

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Tên tiếng Anh: **Tourism**

Mã ngành : **7810101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

**Tiền Giang, năm 2023**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo .....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo .....	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo .....	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo .....	4
3. Chuẩn đầu vào.....	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp.....	4
<b>PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	4
1. Mục tiêu cụ thể .....	4
2. Chuẩn đầu ra .....	6
2.1. Kiến thức .....	6
2.2. Kỹ năng .....	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra .....	7
<b>PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo .....	7
2. Khung chương trình đào tạo .....	8
3. Mô tả học phần.....	11
4. Sơ đồ đào tạo.....	33
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	33
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy .....	33
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập .....	34
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo.....	34
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo .....	40
10. Thông tin cập nhật.....	41

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 527 /QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Tiền thân của Khoa Kinh tế - Luật là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31/10/2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26/10/2015. Khoa Kinh tế - Luật trường Đại học Tiền Giang có các chức năng: Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác; Đào tạo bậc đại học, cao đẳng các ngành thuộc khối ngành kinh tế, tài chính, luật. Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng; Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do khoa đảm trách.

Nhiệm vụ của Khoa bao gồm: Tổ chức triển khai nhiệm vụ đào tạo và quản lý sinh viên: xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên thuộc khoa, tổ chức xét học bổng cho sinh viên thuộc khoa,...; Tổ chức triển khai nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên; Tổ chức triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng: xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu cộng đồng và thế mạnh của đội ngũ giảng viên thuộc khoa, tổ chức sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện, ngày công tác xã hội; Xây dựng các điều kiện đảm bảo hoạt động chuyên môn: đề xuất đào tạo bồi dưỡng viên chức, tổ chức đánh giá viên chức quản lý, giảng viên trong khoa, quản lý các bộ môn trực thuộc,... Khoa hiện có 01 Phó trưởng khoa phụ trách quản lý khoa và 02 Phó trưởng khoa. Khoa Kinh tế - Luật quản lý 05 Bộ môn gồm các chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Tài chính, Du lịch, Kinh tế và Luật.

#### 2. Thông tin về chương trình đào tạo

##### 2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Du lịch
- Tên ngành:
- + Tiếng Việt: **Du lịch**
- + Tiếng Anh: **Tourism**

- Mã ngành: 7810101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: **Cử nhân Du lịch**
  - + Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
  - + Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Du lịch - Đại học Huế,
  - + Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo**

Đào tạo cử nhân du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; sáng tạo, có thể nhận ra và phát huy tiềm năng của bản thân.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức tổng quát về chính trị, pháp luật, xã hội, tự nhiên, giáo dục thể chất, quốc phòng; kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, văn hóa, lịch sử, tin học và kiến thức chuyên sâu, nghiệp vụ và kỹ năng chuyên ngành về du lịch, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, thuyết trình, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

## **3. Chuẩn đầu vào**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

## **4. Cấp bằng tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

# **PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1. Mục tiêu cụ thể**

### **1.1. Kiến thức**

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng, khoa học tự nhiên, môi trường, tin học để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực có liên quan đến du lịch, nhà hàng, khách sạn.

PO02: Có kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội.

PO03: Có kiến thức chuyên sâu về vận hành, quản lý các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn và các nghiệp vụ có liên quan đến chuyên ngành Du lịch

## **1.2. Kỹ năng**

PO04. Vận dụng kiến thức liên ngành kinh tế, văn hóa xã hội, lịch sử và các kỹ năng cần thiết khác để giải quyết vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

PO05: Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, và làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập có hiệu quả.

PO06: Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo, giải quyết được các tình huống phát sinh trong công việc có liên quan đến lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, có thể đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

## **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

PO07: Phát huy năng lực tự chủ, tự học, hội nhập, sáng tạo.

PO08: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có trách nhiệm với nghề nghiệp, xã hội, cộng đồng.

## **1.4. Vị trí nghề nghiệp**

- Tổ chức, quản lý, và điều hành hoạt động du lịch, nhà hàng, khách sạn.
- Vận dụng chuyên đổi số trong lĩnh vực du lịch và sử dụng phương tiện truyền thông trong kinh doanh tiếp thị sản phẩm du lịch.
- Thực hiện những nghiệp vụ du lịch của nhân viên tại các doanh nghiệp lữ hành, nhà hàng, khách sạn.
- Khởi nghiệp trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một đơn vị lữ hành trong và ngoài nước: Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên kinh doanh du lịch, điều hành chương trình du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một cơ sở lưu trú trong và ngoài nước: Lễ tân, phục vụ bàn, bar, buồng, giám sát.
- Quản lý trong các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí trong nước và quốc tế.
- Chuyên viên phụ trách hoặc quản lý tại các Sở, Phòng, Ban, Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực du lịch.
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch; Tư vấn viên và

cố vấn các đề tài, đề án, dự án thuộc về du lịch.

- Học bổ sung các chứng chỉ sư phạm để làm giáo viên, giảng viên tại các Trường, cơ sở đào tạo về du lịch.

### **1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.**

Tiếp tục học bổ sung một số học phần để đạt được văn bằng 2, hoặc theo học nâng cao các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc chuyên ngành du lịch và các ngành học khác ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch

K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch

K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch

K04. Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.

K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.

### **2.2. Kỹ năng**

S01. Kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

S03: Kỹ năng giao tiếp

S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt động kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Phát huy năng lực tự chủ, tự học.

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.

### 3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02	x	x		x								
PO03			x	x	x							
PO04						x	x	x	x			
PO05						x	x	x				
PO06						x			x			
PO07										x	x	x
PO08										x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

#### 1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **150**
- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

#### 1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	0	35	27,8
2	Kiến thức cơ sở ngành	8	0	8	6,3
3	Kiến thức ngành	59	0	59	46,8
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	8	26	8	6,3
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	8,0
6	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	6	12	6	4,8
<b>Tổng cộng</b>		<b>126</b>	<b>38</b>	<b>126</b>	<b>100%</b>

## 2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup>
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLT T	(MHP)
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>						<b>11</b>	<b>11</b>		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
<b>1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>						<b>12</b>	<b>12</b>		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
05022	Cơ sở Văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
06022	Lịch sử văn minh thế giới	30					2	2	
06053	Lịch sử Việt Nam	30	30				3	3	
73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	30	10	20			3	3	72003+
<b>1.3. Ngoại ngữ</b>									
<b>1.3.1. Học phần điều kiện (*)</b>						<b>6</b>	<b>6*</b>		
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
<b>1.3.2. Học phần tích lũy</b>						<b>12</b>	<b>12</b>		
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024 <sup>+</sup>
08044	English 3	60					4	4	08034 <sup>+</sup>
<b>1.4. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)</b>									
<b>1.5.1. Giáo dục thể chất</b>						<b>9</b>	<b>3*</b>		
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
<b>Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
<b>Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)</b>									
12441	Bóng chuyền 2			30			1		12391+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLT T	
12481	Cầu lông 2			30			1	1*	12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
<b>1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>							<b>165 tiết*</b>		
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>							<b>35</b>	<b>35</b>	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>2.1. Cơ sở ngành</b>							<b>8</b>	<b>8</b>	
72003	Tổng quan du lịch	30	30				3	3	
73682	Luật du lịch và đạo đức kinh doanh	15	30				2	2	71012+
73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	30	20	10			3	3	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>							<b>59</b>	<b>59</b>	
72063	Marketing du lịch	30	30				3	3	
73692	Tuyến điểm du lịch	15	30				2	2	
73613	Tâm lý du khách	30	30				3	3	
73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	15	30				2	2	
73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	30	15	15			3	3	72463+
72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	30		30			3	3	73523+
72403	Quản trị kinh doanh lữ hành	30	30				3	3	73543+
73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	30		30			3	3	05022+
72043	Nghiệp vụ lễ tân	30		30			3	3	
72052	Nghiệp vụ buồng	15		30			2	2	
73583	Kinh tế du lịch	30	30				3	3	
73553	Quản trị nhân lực du lịch	30	30				3	3	
72614	Quản trị nhà hàng - khách sạn	30	10	50			4	4	72043+
73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	30	30				3	3	
73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	30	30				3	3	
72602	Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch	15		30			2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLT T	
73572	Thương mại điện tử trong du lịch	15		30			2	2	72602+
73702	Kế toán chuyên ngành du lịch	15	30				2	2	
73732	Du lịch cộng đồng	15	30				2	2	
07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	45	20	10			4	4	08044+
07614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	45	20	10			4	4	07604+
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>							<b>26</b>	<b>8</b>	
<b>Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>							<b>12</b>	<b>4</b>	
72272	Văn hóa du lịch	15	30				2	4	
04372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	30					2		
73722	Địa lý Việt Nam	15	30				2		
73752	Phát triển sản phẩm du lịch	15	30				2		
73772	Marketing nhà hàng – khách sạn	15	30				2		
73742	Phương pháp xây dựng thực đơn	15	30				2		
<b>Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>							<b>14</b>	<b>4</b>	
73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	15	30				2	4	
73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	15	30				2		
72692	Y tế trong du lịch	15	10	20			2		
73762	Team building và hoạt náo	15		30			2		
73662	Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch	15	30				2		
73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	15	30				2		
73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	30					2		
<b>2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>22</b>	<b>16</b>	
<b>2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế</b>							<b>10</b>	<b>10</b>	
73501	Thực tế 1 (Khu vực Tiền Giang/Bến Tre/Long An)				45		1	1	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT <sup>+</sup> (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLT T	
73511	Thực tế 2 (Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long)				45		1	1	73501+
73602	Thực tế 3 (Khu vực miền Trung, Tây Nguyên)				90		2	2	73511+
72703	Thực tập nghề nghiệp 1				135		3	3	
72713	Thực tập nghề nghiệp 2				135		3	3	72703+
<b>2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</b>							<b>12</b>	<b>6</b>	
<b>Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b>									
<b>Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa					180	4	6	72713+
72952	Chuyên đề	15	30				2		
<b>Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)</b>									
72966	Khóa luận cuối khóa (Du lịch)					360	6	6	72713+
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>115</b>	<b>91</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 150 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC</b>									

**Các ký hiệu và viết tắt:**

(\*) *Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.*

(\*\*) *Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.*

- *MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.*

- *LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.*

- *TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)<sup>+</sup>

### **3. Mô tả học phần:**

#### **3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)**

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

#### **3.2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (01202)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã

hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

### **3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 00, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (01202)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

### **3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị.

### **3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02112)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, (1995) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995- 2018), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### **3.6. Pháp luật đại cương (71012)**

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Pháp luật đại cương, sinh viên biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2022.

[2]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### **3.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam A (5022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, xã hội..

- Sách, giáo trình chính:

Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1999.

### **3.8. Lịch sử văn minh thế giới (6022)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bức tranh các nền văn minh thế giới từ xưa đến nay gồm 3 phần: Phần 1: Lịch sử văn minh thời cổ-trung đại với các nền văn minh Bắc Phi, Tây Á, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc; Phần 2: Lịch sử văn minh phương Tây thời cổ – trung đại với các nền văn minh như Hy Lạp và La Mã, văn minh Tây Âu; Phần 3: Lịch sử văn minh thời cận, hiện đại với các nội dung như: sự tiếp xúc giữa các nền văn minh trên thế giới ở thế kỷ 16, văn minh thế giới thế kỷ 20.

- Sách, giáo trình chính:

Vũ Dương Minh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, 2018.

### **3.9. Lịch sử Việt Nam (6053)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp kiến thức một cách khái quát và có hệ thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay, bao gồm những kiến thức về chính trị, thành tựu về kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, đấu tranh bảo vệ tổ quốc; Khái quát quá trình hình thành các quốc gia đầu tiên trên đất Việt Nam; văn minh sông Hồng; cuộc đấu tranh nghìn năm chống Bắc thuộc, giành độc lập của Việt Nam. Quá trình xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến Đại Việt (từ X-XVI), chủ yếu về chính trị, kinh tế, văn minh Đại Việt thời Lý - Trần, Lê; sự nghiệp giữ nước dân tộc Việt Nam.

Hiểu và vận dụng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam trong các cuộc đấu tranh của nông dân, đặc biệt phong trào Tây Sơn, lý giải chiến công và các di tích văn hóa - lịch sử; xã hội Việt Nam thời Nguyễn đến năm 1858. Tình hình Việt Nam từ giữa XIX-1945; cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, trào lưu dân tộc dân nghĩa và cuộc vận động giải phóng dân tộc.

Hiểu khái quát lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn 1945-1954 ; 1954-1975; 1975 - nay.

- Sách, giáo trình chính:

Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), Vũ Minh Giang, Đỗ Quang Hưng,

Nguyễn Thừa Hỷ, Nguyễn Đình Lê, Trương Thị Tiên, Phạm Xanh, Tiến trình Lịch sử Việt Nam, NXBGD, 2014

### **3.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch (73603)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30,10,20, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện một dự án, đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung: Các vấn đề cơ bản trong NCKH trong lĩnh vực Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn; nghiên cứu định lượng; nghiên cứu định tính; nghiên cứu tổng hợp; những vấn đề khác có liên quan đến nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nunkoo, R. (2018). *Handbook of Research Methods for Tourism and Hospitality Management*, NXB Elgar.

[2]. Vũ Cao Đàm (2014). *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục.

### **3.11. English 1 (08024)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 1, sinh viên hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

### **3.12. English 2 (08034)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 2, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quần áo, thời trang

và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng vấn xin việc. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

### **3.13. English 3 (08044)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08034)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần English 3, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và dinh dưỡng và nói các chủ đề về tội phạm, kế hoạch và dự định trong tương lai. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông báo và một email.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

### **3.14. Thể dục và Điền kinh (12371)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Thể dục Điền kinh, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Điền kinh, (2018)- Nguyễn Anh Tuấn- NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

### **3.15. Bóng chuyền 1 (12391)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyền 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng chuyên, (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TĐTT.

### **3.16. Cầu lông 1 (12401)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Cầu lông (2019) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT.

### **3.17. Đá cầu 1 (12271)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Đá cầu, (2021) – Đào Thị Hoa Huỳnh – NXB ĐH Thái Nguyên.

### **3.18. Bóng rổ 1 (12411)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng rổ, (2020) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT Hà Nội.

### **3.19. Bóng chuyên 2 (12441)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyên 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyên 2, sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyên, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyên làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng chuyền (2019)- Nguyễn Việt Hòa - NXB TĐTT.

### **3.20. Cầu lông 2 (12481)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Cầu lông, (2019) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT.

### **3.21. Đá cầu 2 (12281)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Đá cầu, (2021)- Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

### **3.22. Bóng rổ 2 (12461)**

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 2, sinh viên hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng rổ, (2020) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT Hà Nội.

### **3.23. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)**

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

### **3.24. Tổng quan du lịch (72003)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)
- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du

lịch, khách du lịch và các khái niệm khác có liên quan đến hoạt động du lịch. Phân loại được các loại hình du lịch; biết được các đặc trưng của sản phẩm du lịch, đặc điểm tính thời vụ du lịch,...

- Sách, giáo trình chính:

Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan (2022). *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB ĐHQG Hà Nội.

### **3.25. Luật du lịch Việt Nam và đạo đức kinh doanh (73682)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Học phần tiên quyết: Không có

+ Học phần học trước: 71012 – Pháp luật đại cương

+ Học phần song hành: Không có

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những quy định chung; khách du lịch; tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch; điểm du lịch, khu du lịch; kinh doanh du lịch; hướng dẫn viên du lịch; xúc tiến du lịch, quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; quản lý Nhà nước về du lịch...Người học biết và thực hiện đúng luật trong ngành Du lịch

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Luật Du lịch 2017 (hiệu lực 01/01/2018) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

### **3.26. Tài nguyên và môi trường du lịch (73523)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 20, 10, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, những đặc điểm, ý nghĩa và vai trò của tài nguyên du lịch; môi trường và những mối quan hệ giữa du lịch và môi trường; Phân loại được các yếu tố tài nguyên du lịch và liên hệ được các loại tài nguyên du lịch địa phương,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Thăng (chủ biên) (2008). *Giáo trình Du lịch và môi trường*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[2]. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2007). *Tài nguyên du lịch*. NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2021). *Địa lý du lịch Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục.

### **3.27. Marketing du lịch (72063)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing du lịch và vai trò của marketing trong du lịch; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và các chiến lược về sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

Hà Nam Khánh Giao (2022). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Thông tin và Truyền thông.

### **3.28. Tuyển điểm du lịch (73692)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vùng, miền du lịch Việt Nam và hệ thống các tuyến, điểm du lịch tiêu biểu theo các vùng du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Bùi Thị Hải Yên (2017). *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.

### **3.29. Tâm lý du khách (73613)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề của tâm lý học đại và những kiến thức về tâm lý khách du lịch như: Những hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến trong hoạt động du lịch; những yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của khách du lịch; đặc điểm tâm lý khách du lịch theo giới tính, độ tuổi, châu lục, quốc gia,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hồ Lý Long (2017). *Giáo trình tâm lý khách du lịch*. NXB Lao động.

### **3.30. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch (73622)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp như khái niệm giao tiếp; vai trò, các hình thức và phương tiện giao tiếp; các nguyên tắc giao tiếp; Nội dung chính trong các bước phục vụ người tiêu dùng du lịch, các bước ứng xử với những lời phàn nàn chê bai từ du khách. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên biết và vận dụng được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình,.. trong quá trình học tập và trong công việc sau này.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (2012). *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2]. Lý Tử Quyên (2020). *Kỹ năng giao tiếp đỉnh cao*. NXB Thanh niên.

### **3.31. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (73543)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 15, 15, 0, 0)

- Học phần học trước: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch, kinh doanh lữ hành, chương trình du lịch; các yếu tố chính hình thành nên chương trình du lịch, quy trình thiết kế, tính giá và tổ chức điều hành chương trình du lịch; những rủi ro, giải quyết/xử lý được những tình huống phát sinh thường gặp trong quá trình điều hành chương trình du lịch,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Lê Thu Hương, Phạm Thị Vân Anh (2017). *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Đại học Công Nghiệp Hà Nội.

[2]. Nguyễn Văn Mạnh - Nguyễn Đình Hòa (2015). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân..

[3]. Bùi Thị Hải Yến (2017). *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

### **3.32. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (72463)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Tài nguyên và môi trường du lịch

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hướng dẫn du lịch, đặc điểm, nhiệm vụ, vai trò của hướng dẫn viên; những phẩm chất, năng lực cần có của hướng dẫn viên; cơ cấu tổ chức hoạt động và quy trình thực hiện chương trình du lịch của hướng dẫn viên, những tình huống phát sinh thường gặp trong quá trình tổ chức phục vụ khách...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Đinh Trung Kiên (2008). *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[2]. Trần Văn Mậu (2006). *Cẩm nang Hướng dẫn viên du lịch*, NXB Giáo dục.

[3]. Đoàn Hương Lan (2016). *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Lao Động.

### **3.33. Quản trị kinh doanh lữ hành (72403)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Thiết kế và điều hành tour.

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành kinh doanh lữ hành; xu hướng của kinh doanh lữ hành hiện nay; định nghĩa và phân loại kinh doanh lữ hành, hệ thống sản phẩm, thị trường khách của kinh doanh lữ hành,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hà Nam Khánh Giao (chủ biên) (2020). *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Thống kê.

### **3.34. Văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới (73313)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam A

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực, nét đặc trưng, độc đáo của văn hóa ẩm thực Việt Nam trong du lịch; tập quán và khẩu vị ăn uống; các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán, khẩu vị ăn uống của Việt Nam; phân biệt được các loại bữa ăn, tiệc trong ẩm thực Việt và du lịch Việt Nam,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2015). *Ẩm thực Việt Nam và Thế giới*. NXB Phụ nữ.

### **3.35. Nghiệp vụ lễ tân (72043)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lễ tân và các quy định chung của lễ tân trong khách sạn; các quy trình phục vụ của lễ tân từ lúc khách đến đặt buồng (phòng) cho đến khi khách rời khách sạn,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Phạm Thị Thu Cúc (2005). *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*. Nhà xuất bản Hà Nội.

[2]. Trường cao đẳng Kỹ thuật công nghệ (2020). *Nghiệp vụ lễ tân*.

### **3.36. Nghiệp vụ buồng (72052)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về buồng ngủ, phục vụ buồng trong khách sạn, hiểu được những quy định và các quy trình phục vụ; thực hiện vệ sinh buồng (phòng) từ khi khách đến nhận buồng cho đến khi khách rời khách sạn,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Phan Mai Thu Thảo, Vũ Thị Bích Phượng (2014). *Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ buồng*, NXB Hà Nội.

### **3.37. Kinh tế du lịch (73583)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch. Nhằm giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung - cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa (2020). *Giáo trình Kinh tế du lịch*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[2]. Nguyễn Hồng Giáp (2020). *Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Trẻ.

### **3.38. Quản trị nhân lực du lịch (73553)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân sự và nhân lực, vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong du lịch; cách xây dựng bảng mô tả công việc, thu hút và tuyển dụng nhân sự, đào tạo, đánh giá và phát triển nhân lực trong du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Trần Kim Dung (2018). *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Tài chính.

### **3.39. Quản trị nhà hàng - khách sạn (72614)**

- Số tín chỉ: 4 TC (30, 10, 50, 0, 0)

- Học phần học trước: 72043 – Nghiệp vụ lễ tân

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh nhà hàng - khách sạn, các thành phần cấu thành của hoạt động kinh doanh, các chức năng quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn; các hoạt động tổ chức quản lý kinh doanh các dịch vụ của nhà hàng - khách sạn; tài chính và hiệu quả kinh tế của trong doanh nghiệp nhà hàng - khách sạn,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Mạnh (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐHKQTĐ.

### **3.40. Tổ chức sự kiện và lễ hội (73653)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần giúp sinh viên bày được những nội dung cơ bản về khái niệm quản trị, sự kiện; phân loại sự kiện; những tác động của sự kiện đến văn hóa, xã hội, môi trường, chính trị, kinh tế và du lịch.

Phân tích được ý nghĩa, giá trị của việc tổ chức sự kiện; nắm được quy trình, vai trò của công tác hậu cần, biết cách dàn dựng các bước diễn ra của sự kiện: chuẩn bị, khai mạc, đánh giá và kết thúc sự kiện.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Lưu Văn Nghiêm (2020). *Tổ chức sự kiện*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

### **3.41. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch (73563)**

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị kinh doanh lý hành;

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược tổ chức du lịch như: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, lựa chọn, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hà Nam Khánh Giao (Chủ biên) (2021). *Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch*. NXB Tài chính.

### **3.42. Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch (72602)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản, tổng hợp dữ liệu, phần mềm du lịch,...

- Sách, giáo trình chính: Computer in hotel, Oxford, 2013.

### **3.43. Thương mại điện tử trong du lịch (73572)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Tin học ứng dụng trong du lịch

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan Thương mại điện tử, ứng dụng, công cụ giao dịch trong Thương mại điện tử, marketing điện tử, quy định có liên quan; những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ số, những ứng dụng của chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn; các năng lực cần được trang bị để quản lý doanh nghiệp du lịch số,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hoàng Thị Phương Thảo (chủ biên) (2021), *Thương Mại Điện Tử*,

NXB Thông tin và Truyền thông.

[2]. Busulwa, R., Evans, N. & Oh, A. (2021). *Hospitality Management and Digital Transformation*. Routledge

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Văn Tùng, Lê Quyết Tâm, Lê Bá Hải (2020). *Nhập môn Thương mại điện tử*. TP.HCM: HUTECH.

[2]. Teson, D.V.(2014). *Hospitality Information Systems and E-commerce*, NXB Wiley.

### **3.44. Kế toán chuyên ngành du lịch (73702)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Nội dung như sau: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thông tin kế toán và đưa ra quyết định, phán đoán thích hợp nhằm thu hút khách sử dụng các dịch vụ du lịch, đảm bảo động của các doanh nghiệp du lịch hiệu quả, góp phần tăng khả năng thu hút khách và nâng cao hiệu quả kinh doanh của dịch vụ.

- Sách, giáo trình chính

[1]. Vũ Thị Hồng Yến (2014). *Giáo trình Kế toán chuyên ngành du lịch (phần 1,2)*. NXB Giáo dục Việt Nam.

### **3.45. Du lịch cộng đồng (73732)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, về du lịch cộng đồng như khái niệm, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển du lịch cộng đồng. Đặc biệt, học giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển du lịch cộng đồng, tổ chức kinh doanh hiệu quả. Ngoài ra giúp người học nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn du lịch cộng đồng tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

- Sách, giáo trình chính

Bùi Thị Hải Yến (2012). *Du lịch cộng đồng*. NXB Giáo dục Việt Nam.

### **3.46. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1 (07604)**

- Số tín chỉ: 4 TC (45, 20, 10, 0, 0)

- Học phần học trước: English 3

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh chuyên ngành du lịch đối với các chủ đề về tổng quan du lịch, các loại hình du lịch, nghiên cứu và các ngành nghề trong lĩnh vực du lịch ở mức độ cơ bản. Nội dung như sau:

Unit 1: Before the trip

Unit 2: At the airport

Unit 3: Being on board

Unit 4: Arrival

Unit 5: Accommodation

Unit 6: Transportation

- Sách, giáo trình chính

[1]. Cheng, K. & Mckimm, O. (2015). *Specialized English for Tourism*. NXB Tổng hợp TP. HCM.

[2]. Morris, C. (2017). *Flash on English for Tourism*. ELI Publishing.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Phillips, T. (2008). *English for Tourism and Hospitality*, NXB Garnet.

### **3.47. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2 (07614)**

- Số tín chỉ: 4 TC (45, 20, 10, 0, 0)

- Học phần học trước: Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh chuyên ngành du lịch đối với các chủ đề về nhà hàng, mua sắm, giải trí, giao tiếp và giải quyết vấn đề. Nội dung như sau:

Unit 7. Restaurants

Unit 8: Shopping

Unit 9: Entertainment

Unit 10. Communication

Unit 11: Problem Solving

- Sách, giáo trình chính

[1]. Cheng, K. & Mckimm, O. (2015). *Specialized English for Tourism*. NXB Tổng hợp TP. HCM.

[2]. Morris, C. (2017). *Flash on English for Tourism*. ELI Publishing.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Phillips, T. (2008). *English for Tourism and Hospitality*, NXB Garnet 2008.

### **3.48. Văn hóa du lịch (72272)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về văn hóa du lịch, các phương thức và những giải pháp nhằm hạn chế sự ảnh hưởng tiêu cực khi khai thác các giá trị văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch. Nội dung gồm:

Chương 1: Những vấn đề chung

Chương 2: Tiến trình văn hóa và các nền văn hóa cổ ở Việt Nam

Chương 3: Đặc trưng văn hóa các dân tộc Việt Nam

Chương 4: Văn hóa tâm linh

Chương 5: Văn hóa lễ hội và Làng nghề

Chương 6: Văn hóa ẩm thực

Chương 7: Các loại hình nghệ thuật

Chương 8: Văn hóa du lịch trong phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Dương Văn Sáu, Giáo Trình Văn Hóa Du Lịch, NXB Lao Động, 2017.

[2]. Nguyễn Phạm Hùng, Văn hóa Du lịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.

[3]. Phan Huy Xu - Võ Văn Thành, Bàn về Văn hóa Du lịch Việt Nam, 2016.

### **3.49. Phong tục và lễ hội Việt Nam (04372)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các phong tục, lễ tết và lễ hội Việt Nam; phương pháp tiếp cận để sinh viên có thể tự mình tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu các phong tục, lễ tết và lễ hội Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Trọng Báu, Phong tục tập quán và lễ hội của người Việt, Nxb Văn hóa Thông tin, 2012.

[2]. Vũ Ngọc Khánh, Vũ Thụy An, Lễ hội Việt Nam, Nxb Thanh niên, 2007.

### **3.50. Địa lý Việt Nam (73722)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên nhiên và con người Việt Nam, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế chủ yếu: công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ; tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế của Việt Nam: vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung bộ, Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, vùng Tây nguyên, vùng Đông Nam bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long,...

- Sách, giáo trình chính

Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Văn Phú (2012). *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*. NXB Đại học Sư Phạm.

### **3.51. Phát triển sản phẩm du lịch (73752)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần hệ thống lại các kiến thức về tài nguyên du lịch và những sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền và của từng lĩnh vực nghề của ngành du lịch. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hà Nam Khánh Giao (2019). *Quản trị kinh doanh dịch vụ*. NXB Thông tin và Truyền thông.

### **3.52. Marketing nhà hàng - khách sạn (73772)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing trong lĩnh vực nhà hàng-khách sạn và các chiến lược về sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp phù hợp cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ về ăn uống, lưu trú.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hà Nam Khánh Giao (2022). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Thông tin và Truyền thông.

### **3.53. Phương pháp xây dựng thực đơn (73742)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tập

quán, thông lệ trong hoạt động ăn uống của Phương Đông và Phương Tây cùng các kiến thức cơ bản về thực đơn như khái niệm, phân loại thực đơn, cấu trúc, ngôn ngữ, cách trình bày thực đơn và các nguyên tắc, căn cứ khi xây dựng thực đơn; giới thiệu khá chi tiết về cách chọn món ăn, đồ ăn uống cho thực đơn, cách tính toán giá thành, giá bán món ăn và thực đơn; các bước xây dựng các loại thực đơn cơ bản cho các nhà hàng.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hoàng Minh Khang - Đỗ Việt Cường (Đồng chủ biên) (2019). *Giáo trình Xây dựng thực đơn*. NXB Lao động.

### **3.54. Quản trị thực phẩm đồ uống (73782)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị thực phẩm và đồ uống như: khái quát về quản trị thực phẩm và đồ uống; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật, quản trị mua hàng, dự trữ, sản xuất, chế biến và tổ chức tiêu thụ sản phẩm ăn uống. Hình thành kỹ năng hoạch định, triển khai các tác nghiệp và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ cơ bản tại bộ phận thực phẩm và đồ uống.

- Sách, giáo trình chính:

[1] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam (2013). *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*. NXB Lao động.

[2]. Nguyễn Văn Mạnh (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐHKQTĐ.

### **3.55. Quản trị resort và khu vui chơi giải trí (73792)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Trang bị những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị khu nghỉ dưỡng; Tổng quan về quản trị khu nghỉ dưỡng; Cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; Quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng; Quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; Quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ,..

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Hồ Huy Tựu, Lê Chí Công (2015). *Đại cương quản trị khu nghỉ dưỡng*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

### **3.56. Y tế trong du lịch (72692)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 10, 20, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấp cứu ban đầu: các trường hợp cấp cứu, phân loại, dấu hiệu, triệu chứng, mức độ nguy hiểm, mục đích, nguyên tắc xử trí cấp cứu; tầm quan trọng của cấp cứu ban đầu trong từng trường hợp cấp cứu cụ thể,...

- Sách, giáo trình:

[1]. Tra cứu thuốc thông dụng và biệt dược, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2013.

[2]. Cấp cứu cơ bản, NXB Y học, 2013.

### **3.57. Team building và hoạt náo (73762)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học những hiểu biết khái quát về các kỹ năng hỗ trợ kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tổ chức các trò chơi vận động theo đội nhóm và kỹ năng tổ chức Gala Dinner

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Đoàn Hương Lan (2016). *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao Động.

[2]. Lại Thế Luyện (chủ biên) (2021). *Kỹ Năng thuyết trình và Làm việc nhóm*. Trường Đại học Tài chính - Marketing.

### **3.58. Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch (73662)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học những hiểu biết khái quát về doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, sản phẩm kinh doanh và khởi nghiệp. Xác định được ý tưởng kinh doanh; hồ sơ đăng ký kinh doanh; thuế, hóa đơn giá trị gia tăng. Xây dựng được mô hình tổ chức doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, triết lý kinh doanh, cơ cấu tổ chức, tổ chức nhân sự, huy động và sử dụng nguồn vốn. Và xây dựng được kế hoạch, chiến lược kinh doanh và dự đoán những rủi ro trong kinh doanh cho doanh nghiệp

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Field, R. (2020). *Cẩm nang mở nhà hàng*. NXB Thế giới.

[2]. Trần Xuân Mới (2019). *Đầu tư kinh doanh khách sạn có hiệu quả*. NXB Thanh niên.

[3]. Nguyễn Ngọc Huyền & Ngô Thị Nguyệt Nga (2020). *Khởi sự kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân

Tài liệu tham khảo.

[1]. Phạm Văn Trung (2013). *Giáo trình Khởi sự doanh nghiệp*, NXB Giao thông vận tải.

[2]. Nguyễn Ngọc Huyền (2011). *Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2011.

### **3.59. Bảo tồn di sản Việt Nam (73712)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về các di sản văn hóa Việt Nam, vai trò, ý nghĩa của các di sản Việt Nam và thực khai thác các di sản văn hóa và một số giải pháp đẩy mạnh việc bảo tồn các di sản ở nước ta.

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Kim Loan, Nguyễn Trường Tân (2017). *Bảo Tồn Và Phát Huy Di Sản Văn Hóa Việt Nam*. NXB Bản hóa - Thông tin.

[2]. Nguyễn Thịnh (2012). *Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn*. NXB Xây dựng.

### 3.60. Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch (73642)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần: Học phần này cung cấp kiến thức về nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát và quản lý rủi ro trong hoạt động du lịch. Sinh viên nhận dạng, dự báo được các rủi ro và lập kế hoạch quản lý phù hợp..

- Sách, giáo trình chính: Robertson D., Kean I. & Moore S., (2021). *Quản lý rủi ro du lịch*, APEC.

### 3.61. Thực tế 1 (73501)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên ngành đã học; Tham quan, khảo sát các địa điểm du lịch, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam, các hệ thống cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, ... trong tour tuyến thực tế,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành*. NXB Hồng Đức.

[2]. Bùi Thị Hải Yến (2021). *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*. NXB GD Việt Nam.

[3]. Dương Thu Trang, Resort tại Việt Nam, NXB TP. HCM, 2010.

### 3.62. Thực tế 2 (73511)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Học phần học trước: Thực tế 1

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên ngành đã học; Tham quan, khảo sát các địa điểm du lịch, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam, các hệ thống cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, ... tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Lê Thu Hương, Phạm Thị Vân Anh, Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Công Nghiệp Hà Nội, 2017.

[2]. Bùi Thị Hải Yến (2021). *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*. NXB GD Việt Nam.

3. Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành*. NXB Hồng Đức.

### 3.63. Thực tế 3 (73602)

- Số tín chỉ: 2 TC (0, 0, 0, 90, 0)

- Học phần học trước: Thực tế 2 (73511)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã học; Tham quan, khảo sát các địa điểm du lịch, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Các hệ thống cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, ... trong tour tuyến thực tế,...

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63*

*Tỉnh Thành. NXB Hồng Đức.*

[2]. Bùi Thị Hải Yến (2021). *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*. NXB GD Việt Nam.

### **3.64. Thực tập nghề nghiệp 1 (72703)**

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 135, 0)

- Mô tả: Học phần sẽ được thực hiện tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn-nhà hàng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Sách, giáo trình chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

### **3.65. Thực tập nghề nghiệp 2 (72713)**

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 135, 0)

- Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp 1

- Mô tả: Học phần sẽ được thực hiện tiếp tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn-nhà hàng sau khi hoàn thành thực tập nghề nghiệp 1 để tiếp tục rèn luyện, rút kinh nghiệm và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Sách, giáo trình chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

### **3.66. Thực tập chuyên đề cuối khóa (72944)**

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 0, 180)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT; Thực tập nghề nghiệp 2 (72923)

+ Học phần song hành: Chuyên đề

- Mô tả học phần: Học phần này giúp sinh viên củng cố và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên làm việc theo nhóm tối đa 5 thành viên và bảo vệ báo cáo trước Hội đồng.

- Sách, giáo trình chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

### **3.67. Chuyên đề (72952)**

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT.

+ Học phần song hành: Thực tập chuyên đề cuối khóa.

- Mô tả học phần: Học phần này cập nhật, củng cố kiến thức về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội có liên quan đến du lịch (Tùy vào tình hình thực tiễn).

- Sách, giáo trình chính:

Tham khảo tài liệu, thông tin tại các website, báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổ chức Du lịch Thế giới.

### **3.68. Khóa luận cuối khóa (Du lịch) (72966)**

- Số tín chỉ: 6 TC (0, 0, 0, 0, 360)
  - Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT; Thực tập nghề nghiệp 2 (72713)
  - + Học phần song hành: Chuyên đề tốt nghiệp và Chuyên đề
  - Mô tả học phần: Học phần này giúp sinh viên củng cố và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên sẽ làm việc cá nhân và bảo vệ khóa luận trước Hội đồng.
  - Sách, giáo trình chính:
- Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

### **3.69. Các học phần điều kiện ngoại ngữ**

#### **a) General English 1 (08004)**

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)
  - Mô tả:
- Học phần General English 1 là học phần điều kiện;
- Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

#### **b) General English 2 (08012)**

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
  - Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)
  - Mô tả:
- Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D)).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2<sup>nd</sup> Edition. Oxford University Press.

#### 4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo toàn khóa học

#### 5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### 6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Giảng bài</li> <li>- Câu hỏi gợi ý</li> <li>- Trình bày mẫu</li> </ul>
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh luận</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Giải quyết vấn đề</li> <li>- Học tập nhóm</li> <li>- Tương tác, phản hồi</li> </ul>
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập kỹ năng</li> <li>- Thực hành, thí nghiệm</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Mô phỏng</li> <li>- Mô hình</li> </ul>
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tế</li> <li>- Các cuộc thi</li> <li>- Mô phỏng</li> <li>- Mô hình</li> </ul>
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng tác</li> <li>- Thiết kế</li> <li>- Dự án nghiên cứu</li> <li>- Đồ án</li> <li>- Tiểu luận, khóa luận</li> </ul>
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu</li> <li>- Nghiên cứu tình huống</li> <li>- Xây dựng ý tưởng</li> <li>- Rèn luyện</li> </ul>

## 7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

### 7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

### 7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

### 7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra		
		Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<b>I</b>	<b>Đánh giá quá trình</b>			
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần		X	X
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ cá nhân (tự học, kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, thực hành) trên lớp)	X	X	X
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm (bài báo cáo, thuyết trình)	X	X	X
<b>II</b>	<b>Đánh giá cuối kỳ</b>			
1	Thi kết thúc học phần	X	X	
2	Tiểu luận môn học	X	X	X
3	Thực tập và báo cáo khóa luận/chuyên đề	X	X	X

*Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.*

## 8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

### 8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Công ty TNHH truyền thông du lịch Mahalo	Tầng 3, tòa nhà An Phú Plaza, 117 -119 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
2	Golden Smile Travel	631 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP HCM.
3	Khu sinh thái Việt Nhật Bến Tre	Ấp Tân Phú, Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre
4	Công ty CP và Tiếp thị GTVT – VIETRAVEL – Chi nhánh Cần Thơ.	Số 103, Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, TP. Cần Thơ, Việt Nam
5	Khách sạn Mê Kông Mỹ Tho Tiền Giang	Số 1A Tết Mậu Thân, P4, Mỹ Tho, Tiền Giang
6	Công ty Cổ phần Vinpearl Phú Quốc	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Tp. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

## 8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

### a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m<sup>2</sup>/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m<sup>2</sup>/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
<b>Tổng:</b>		<b>223</b>	<b>33.663</b>

**b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Du lịch:**

STT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng thực hành ngành NH-KS E21	01	90	kèm theo file đính kèm		- NV Lễ tân - Quản trị nhà hàng, khách sạn - Văn hóa ẩm thực Việt Nam & thế giới
2	Phòng thực hành ngành NH-KS E23	01	48	kèm theo file đính kèm		- NV Lễ tân - Quản trị nhà hàng, khách sạn - Văn hóa ẩm thực Việt Nam & thế giới
3	Phòng máy vi tính	05	250	Máy vi tính	200	- Tin học cơ bản - Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch - Thương mại điện tử trong du lịch - Phương pháp NCKH trong lĩnh vực xã hội học

**Nhận xét chung:** Cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ phòng thực hành đáp ứng yêu cầu cho hoạt động dạy và học đối với ngành Du lịch.

### 8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

#### a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thanh Trang	Giảng viên	Tiến sĩ Du lịch	Du lịch		Du lịch
2	Hồ Đoàn Thùy Mỹ Châu	Giảng viên	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch		Du lịch
3	Lê Minh Thiên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị du lịch-NHKS	Quản trị du lịch-NHKS		Du lịch
4	Võ Thị Ngọc Giàu	Giảng viên	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch		Du lịch

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
5	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	Giảng viên	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch		Du lịch
6	Phan Thị Khánh Đoan	Giảng viên chính	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch		Du lịch
7	Phùng Quang Thái	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị DV DL&LH	Quản trị DV DL&LH		Du lịch
8	Võ Văn Sơn	Giảng viên	Thạc sĩ Văn hóa học	Văn hóa học		Du lịch
9	Hồ Ánh Xuân	Giảng viên	Thạc sĩ Văn hóa học	Ngôn ngữ ứng dụng		Du lịch
10	Nguyễn Giang Lam	Giảng viên	Thạc sĩ Tâm lí	Tâm lí học		Du lịch
11	Lê Thị Sơn	Giảng viên	Tiến sĩ triết học	Triết học Mác - Lênin		Du lịch
12	Đặng Nguyễn Hoàng Hải	Giảng viên	Thạc sĩ công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin		Du lịch
13	Nguyễn Trung Ngôn	Giảng viên	Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Du lịch
14	Huỳnh Quán Chi	Giảng viên	Tiến sĩ Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam		Du lịch
15	Trần Thị Nhật Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Du lịch
16	Nguyễn Minh Nhã	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán		Du lịch
17	Phạm Thị Huỳnh Như	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán		Du lịch
18	Võ Văn Hiền	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán		Du lịch
19	Lâm Thái Bảo Ngọc	Giảng viên	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng		Du lịch
20	Võ Thị Thu Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh		Du lịch
21	Trần Thị Bích Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh		Du lịch

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
22	Nguyễn Thị Anh Thư	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Du lịch
23	Nguyễn Võ Hữu Trí	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất		Du lịch
24	Nguyễn Thị Thùy Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Du lịch
25	Huỳnh Thị Lệ Hoa	Giảng viên	Thạc sĩ Luật hiến pháp và luật hành chính	Luật hiến pháp và luật hành chính		Du lịch
26	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật kinh tế		Du lịch
27	Trần Huỳnh Thị Hương Lan	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất		Du lịch
28	Đoàn Minh Nguyệt	Giảng viên	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật kinh tế		Du lịch
29	Nguyễn Thị Phương Linh	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Khoa học máy tính		Du lịch
30	Ngô Thị Loan	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Khoa học máy tính		Du lịch
31	Từ Thị Trừ	Giảng viên	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin		Du lịch
32	Trần Huy Long	Giảng viên	Thạc sĩ Rà soát số liệu và quản lí tri thức	Rà soát số liệu và quản lí tri thức		Du lịch
33	Nguyễn Văn Nôi	Giảng viên	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin		Du lịch
34	Lâm Hoàng Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất		Du lịch
35	Trần Thị Minh Tú	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học Môi trường và Sự sống	Khoa học Môi trường và Sự sống		Du lịch

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
36	Phan Ngọc Duyên	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học Môi trường	Khoa học Môi trường		Du lịch
37	Bùi Thị Nhật Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		Du lịch
38	Cao Thị Tuyết Loan	Giảng viên	Thạc sĩ Triết học	Triết học		Du lịch
39	Võ Thị Bảo Trân	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Du lịch
40	Võ Thị Diệu	Giảng viên	Thạc sĩ Chính trị học	Chính trị học		Du lịch
41	Nguyễn Trung Hiếu	Giảng viên	Thạc sĩ Triết học	Triết học		Du lịch
42	Lê Quốc Việt	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất		Du lịch
43	Nguyễn Ngọc Khánh	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học	Kinh tế học		Du lịch
44	Trần Thị Hoài Thu	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển		Du lịch
45	Võ Thị Thủy Vãn	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp	Kinh tế Nông nghiệp		Du lịch
46	Nguyễn Kim Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Du lịch
47	Phùng Thụy Nguyệt Quế	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Du lịch
48	Ngô Thanh Phong	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp		Du lịch
49	Trương Quang Dũng	Giảng viên	Thạc sĩ Ngôn ngữ ứng dụng	Ngôn ngữ ứng dụng		Du lịch

**b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy**

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thanh Loan	Trường CD Y tế	Giảng viên thỉnh giảng	Thạc sỹ	Y học		Du lịch
2	Nguyễn Phúc Nghiệp	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang	Giảng viên	TS. Lịch sử	Lịch sử		Văn hóa học
3	Mai Mỹ Duyên	Trường ĐH Văn hóa TP. HCM	Giảng viên	TS. Văn hóa học	Văn hóa học		Văn hóa học

**c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu**

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Phan Thị Khánh Đoan	Giảng viên	Thạc sỹ Du lịch	Du lịch	

**Nhận xét chung:** Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng và bố trí đúng vị trí công tác, đa số giảng viên đều có thâm niên công tác giảng dạy và được phân công đúng chuyên ngành.

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

**9.1. Tổ chức thực hiện chương trình**

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

## **9.2. Phương pháp giảng dạy**

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

## **10. Thông tin cập nhật**

### **10.1. Cơ sở phát triển chương trình**

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

### **10.2. Thông tin kiểm định**

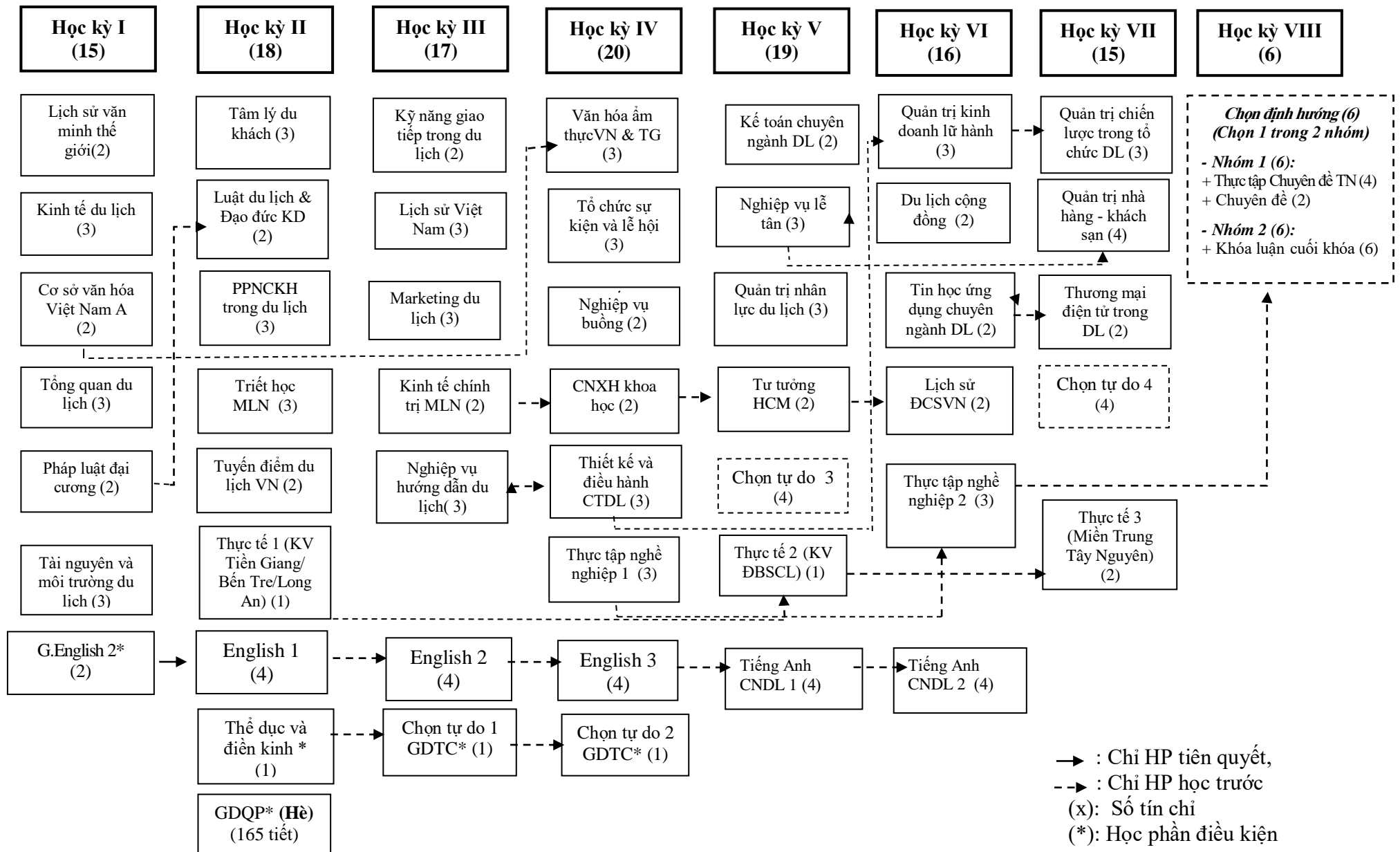
Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch đã hoàn thành tự đánh giá, dự kiến đánh giá ngoài vào cuối năm 2023

---

**PHỤ LỤC I:**

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC  
CTĐT ĐH NGÀNH DU LỊCH**

## Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Du lịch



**PHỤ LỤC II:**

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA  
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA  
CỦA CTĐT**

**Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
<b>I</b>	1	73583	Kinh tế du lịch	x	x			x	x		x	x	x	x	
	2	06022	Lịch sử văn minh thế giới	x	x										
	3	72003	Tổng quan du lịch		x		x	x			x	x	x	x	
	4	05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x		x		x			x	x		
	5	71012	Pháp luật đại cương	x					x					x	x
	6	08012	General English 2*	x						x					
	7	73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	x	x		x		x		x		x	x	x
<b>II</b>	8	00033	Triết học Mác-Lênin	x					x					x	x
	9	08024	English 1	x						x					
	10	73692	Tuyến điểm du lịch Việt Nam				x		x		x	x	x		x
	11	73613	Tâm lí du khách		x				x		x		x		
	12	73682	Luật du lịch & Đạo đức kinh doanh Việt Nam		x			x	x				x		



HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03	
	26	12411	Bóng rổ 1*	x												
IV	27	73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	x	X	x	X		x		x		x	x	x	
	28	73544	Thiết kế và điều hành tour		x		X	x	x			x	x			
	29	72052	Nghiệp vụ buồng			x			x				x		x	
	30	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	x	x			x	x			x	x			
	31	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x					x							
	32	72703	Thực tập nghề nghiệp 1				X	x	x	x			x			
	33	08044	English 3		x						x					
	34	12441	Bóng chuyền 2*	x												
	35	12481	Cầu lông 2*	x												
	36	12281	Đá cầu 2*	x												
	37	12461	Bóng rổ 2*	x												
V	38	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch		x		x		x			x			x	
	39	72043	Nghiệp vụ lễ tân			x		x	x		x			x	x	

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
	40	73553	Quản trị nhân lực du lịch					x	x		x		x		x
	41	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											
	42	72272	Văn hóa du lịch		x				x					x	x
	43	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam		x				x				x	x	x
	44	73722	Địa lí Việt Nam	x	x		x		x		x		x		x
	45	73752	Phát triển sản phẩm du lịch				x		x		x		x		x
	46	73772	Marketing nhà hàng - khách sạn			x	x		x		x		x		x
	47	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn		x	x			x		x		x		x
	48	07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	x						x					
	49	73511	Thực tế 2 (KV ĐBSCL)		x	x	x		x	x	x	x	x	x	
VI	50	72403	Quản trị kinh doanh lữ hành				x	x			x	x	x		x
	51	73732	Du lịch cộng đồng				x		x		x				
	52	72602	Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x
	53	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x						x					x

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm				
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03		
	54	72922	Thực tập nghề nghiệp 2					x	x	x	x	x	x				
	55	07614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2		x						x						
VII	56	73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch			x	x		x				x	x		x	
	57	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn			X	x		x	x			x	x	x	x	
	58	73572	Thương mại điện tử trong du lịch		X	X	x		x	x		x	x	x		x	
	59	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống				x		x	x		x	x		x		
	60	73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí				x	x	x	x		x	x	x		x	
	61	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam			x				x				x		x	
	62	73762	Team building và hoạt náo				x		x			x	x	x			
	63	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch						x				x		x		
	64	72692	Y tế trong du lịch		x					x							x
	65	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch			x				x			x	x	x		
66	73522	Thực tế 3 (KV MT&TN)			x		x		x		x	x	x	x			

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
VIII	67	72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	68	72952	Chuyên đề	x	x	x	x	x	x		x		x		x
	69	72966	Khóa luận cuối khóa (DL)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

*Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*



